

Bản án số: **251**/2022/HNGĐ-ST  
Ngày 24 tháng 06 năm 2022  
V/v: *Tranh chấp về hôn nhân và gia đình*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K - THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm, gồm có:**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Ông Đoàn Thành Nam

**Các hội thẩm nhân dân:**

1. Bà Nguyễn Thị Chấn;
2. Bà Nguyễn Thị Kim Hoa

**Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Tiến Đạt – Thư ký Tòa án nhân dân huyện K.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tham gia phiên tòa:** Bà Trần Thị Ánh Tuyết – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, Thành phố Hà Nội, xét xử sơ thẩm, công khai vụ án thụ lý số: 138/2022/TLST-HNGĐ ngày 12/04/2022, về việc: “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 07/06/2022, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Chị **Đỗ Thị H**, sinh năm 19981.  
Trú tại: Thôn T, xã L, huyện K, thành phố Hà Nội.

*Bị đơn:* Anh **Nguyễn Văn M**, sinh năm 1976.  
Trú tại: Thôn T, xã L, huyện K, thành phố Hà Nội.  
*(Chị H, anh M đều có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa)*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong Đơn khởi kiện vụ án xin ly hôn đề ngày **05/4/2022**, bản tự khai và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án nhân dân huyện K cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị Đỗ Thị H trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị H và anh Nguyễn Văn M kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu và tổ chức lễ cưới khi được sự đồng ý của hai bên gia đình. Chị H và anh M làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện K, thành phố Hà Nội ngày 04/4/2003. Sau khi kết hôn vợ chồng anh, chị chung sống với nhau ở nhà anh M tại thôn T, xã L, huyện K, thành phố Hà Nội. Quá trình chung sống, vợ chồng anh chị chung sống hòa thuận đến khoảng năm 2007 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân chính của mâu thuẫn vợ, chồng là do anh M thường xuyên đi uống rượu, chơi cờ bạc. Nhiều lần anh M đi uống

rượu về là gây sự, cãi nhau với chị H để lấy cớ đánh chị. Anh M thiếu trách nhiệm với gia đình, vợ con. Từ khi các con còn bé chủ yếu do một mình chị H chăm sóc, dạy bảo. Chị H phải bươn trải, làm lụng để nuôi dạy các con. Chị H và gia đình đã nhiều lần khuyên bảo anh M thay đổi nhưng anh M vẫn chứng nào tật nấy. Mâu thuẫn vợ chồng anh chị ngày càng trở nên trầm trọng. Từ khoảng năm 2019 đến nay vợ chồng tôi đã cắt đứt quan hệ tình cảm, sinh lý và sống ly thân nhau. Cuộc sống vợ chồng của chị H rất mệt mỏi, đau khổ, không còn hạnh phúc nhưng vì các con còn nhỏ nên chị H cố gắng chịu đựng và nhịn nhục rất nhiều năm nay. Đến nay, chị H không thể chịu đựng thêm được nữa vì anh M ngày càng vô trách nhiệm, nát rượu và vũ phu vì vậy khoảng tháng 3/2022 chị H đã chuyển hẳn về nhà bố mẹ đẻ của chị là ông Đỗ Trọng Bạo và bà Bùi Thị Hòa ở Ngọc Thiện, Tân Yên, Bắc Giang sinh sống. Đồng thời các con anh, chị đã lớn nên chị không muốn chịu đựng anh M thêm giờ phút nào nữa. Nay, chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, cuộc sống chung không còn hạnh phúc, anh, chị không thể hàn gắn mâu thuẫn, đoàn tụ gia đình được nữa. Chị H đề nghị Tòa án nhân dân huyện K xem xét, giải quyết cho chị được ly hôn với anh M để chị sớm ổn định cuộc sống và nuôi dạy, chăm sóc con chung.

Về con chung: Chị H xác nhận chị và anh M có 02 con chung là cháu Nguyễn Khánh M, sinh ngày 03/3/2004 và cháu Nguyễn Khánh Vân, sinh ngày 07/12/2009. Cháu M đã thành niên đủ 18 tuổi, sức khỏe thể chất và tinh thần của cháu M phát triển hoàn toàn bình thường, có đủ khả năng tự lập nên chị H không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết việc nuôi dưỡng cháu M. Đối với cháu Vân, từ bé cháu Vân do chị H chăm sóc, nuôi dạy là chính. Anh M thiếu trách nhiệm trong việc chăm sóc, nuôi dạy con. Hiện nay cháu Vân đang ở với chị H. Hiện nay chị H đang làm công nhân may, có công việc và thu nhập ổn định 7 triệu đồng/tháng. Khi ly hôn, chị H có nguyện vọng, mong muốn được trực tiếp nuôi cháu Vân và không yêu cầu anh M đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị H không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về công nợ chung vợ chồng: Chị H không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Ngoài ra chị không còn yêu cầu nào khác, không trình bày nội dung nào khác.

Bị đơn - anh Nguyễn Văn M: Vắng mặt tại phiên công khai chứng cứ và hòa giải lần đầu, tuy nhiên, Tòa án đã tiến hành triệu tập anh M mở một buổi hòa giải nữa để cho anh chị có thể trình bày ý kiến, quan điểm về yêu cầu xin ly hôn của chị Đỗ Thị H.

Anh M trình bày: Về thời gian, hoàn cảnh kết hôn giữa anh và chị H đúng như chị H trình bày. Sau khi cưới anh chị về sống chung với nhau tại bố mẹ đẻ anh M ở thôn T, xã L, huyện K, thành phố Hà Nội và ăn ở, sinh hoạt từ thời gian đó cho đến nay.

Quá trình vợ chồng chung sống thì 02 vợ chồng anh chị thường xảy ra những mâu thuẫn nhỏ, bản thân anh M có uống rượu và khi mâu thuẫn xảy ra anh M có đánh chị H vào mặt, những lần anh M đánh chị H thì chị lại lên nhà mẹ đẻ ở khoảng 1 đến 2 lần. Đến ngày 08 tháng 4 năm 2022 thì chị H nói với anh M là về nhà chị H ở Bắc Giang chăm bố đẻ ốm và chị H ở hẳn từ đó cho đến nay. Khi mâu thuẫn vợ, chồng xảy ra anh, chị đã được gia đình bên nội khuyên

giải và bản thân anh chị đã cố gắng cải thiện cuộc sống vợ chồng nhưng không có kết quả.

Anh M trình bày ý kiến về yêu cầu xin ly hôn của chị Đỗ Thị H là không đồng ý ly hôn, dù tình cảm vợ chồng vẫn còn nhưng không thể hàn gắn được mâu thuẫn vợ chồng. Anh M trình bày nếu chị H vẫn cương quyết xin ly hôn thì anh M đề nghị Tòa án nhân dân huyện K xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về quan hệ con chung: Anh M xác nhận anh và chị H có 02 con chung là cháu Nguyễn Khánh M, sinh ngày 03/3/2004 và cháu Nguyễn Khánh Vân, sinh ngày 07/12/2009. Hiện nay cả 02 cháu đang ở với anh M. Cháu M đã trưởng thành đủ 18 tuổi có sức khỏe, trí tuệ phát triển bình thường. Nếu anh và chị H ly hôn thì cháu M muốn ở với ai do cháu tự quyết định. Đối với cháu Khánh Vân thì anh đề nghị Tòa án huyện K xem xét, giải quyết theo nguyện vọng của cháu; nếu anh M được nuôi cháu Vân thì anh không yêu cầu chị H đóng góp tiền nuôi con chung. Nếu chị H được nuôi cháu Vân thì anh tự nguyện đóng góp 2.000.000đ/1 tháng cho đến khi cháu Vân trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác của pháp luật.

- Về tài sản chung, nhà ở chung: Không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

- Về nợ chung: Chúng tôi không vay ai và không có ai vay nợ vợ chồng tôi, tôi không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Đối với con chung của chị H và anh M là cháu Nguyễn Khánh Vân, sinh ngày 07/12/2009, đã đủ 07 tuổi nên tòa án tiến hành ghi nguyện vọng của con khi chị H và anh M thì cháu có nguyện vọng muốn ở với mẹ khi anh M, chị H ly hôn.

Tại phiên tòa ngày hôm nay: Chị H và anh M đều có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa;

Chị Đỗ Thị H vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh Nguyễn Văn M và nội dung các lời khai mà chị đã trình bày tại Tòa án.

Anh Nguyễn Văn M vẫn giữ nguyên ý kiến không đồng ý ly hôn với Đỗ Thị H và nội dung các lời khai mà anh đã trình bày trong quá trình giải quyết vụ án.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện K phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật Tổ tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự và ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử đều thực hiện đúng các quy định của pháp luật về thủ tục Tổ tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm trước khi Hội đồng xét xử nghị án. Người tham gia tố tụng tại phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm trước khi Hội đồng xét xử nghị án.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30.12.2016 quy định về án

phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội; khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho Chị Đỗ Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Văn M.

Về con chung: Xử giao cho chị Đỗ Thị H được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn Khánh Vân, sinh ngày 07/12/2009. Ghi nhận sự tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con chung của anh M đối với chị H. Anh Nguyễn Văn M có nghĩa vụ đóng tiền cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng cho chị H để nuôi cháu Vân là 02 triệu đồng/01 tháng. Thời gian đóng góp tiền nuôi con kể từ tháng 7/2022 cho đến khi con thành niên đủ 18 tuổi hoặc khi có yêu cầu thay đổi khác. Đối với cháu M đã trưởng thành đủ 18 tuổi có sức khỏe, trí tuệ phát triển bình thường nên không xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

Tuyên về án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền: Đây là vụ án tranh chấp về ly hôn nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28 – BLTTDS, vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân. Trong vụ án, bị đơn là anh Nguyễn Văn M có Đăng ký hộ khẩu thường trú và hiện nay đang cư trú tại huyện K, Thành phố Hà Nội nên căn cứ vào Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền của tòa án nhân dân huyện K, Thành phố Hà Nội.

Nguyên đơn – Chị Đỗ Thị H và Bị đơn – Anh Nguyễn Văn M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa; Chị H, anh M đã có lời khai tại Tòa án đồng thời anh, chị có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là phù hợp với quy định tại Điều 227 và Điều 238 của Bộ Luật Tố tụng Dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị H và anh Nguyễn Văn M kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu và tổ chức lễ cưới khi được sự đồng ý của hai bên gia đình. Chị H và anh M làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện K, thành phố Hà Nội ngày 04/4/2003. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Vợ, chồng chị H, anh M chung sống hoà thuận được được thời gian thì phát sinh mâu thuẫn vợ chồng.

[3]. Về nguyên nhân mâu thuẫn vợ, chồng: Căn cứ vào những lời khai của chị H, anh M và các biên bản làm việc của Tòa án với chính quyền địa pH, biên bản làm việc **với bố chị H là ông Đỗ Trọng Bạo**. Hội đồng xét xử nhận định: Chị Đỗ Thị H và anh Nguyễn Văn M trong quá trình chung sống đã phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân chính của mâu thuẫn vợ chồng là anh M thường xuyên đi uống rượu, chơi cờ bạc. Nhiều lần anh M đi uống rượu về là gây sự, cãi nhau với chị H để lấy cớ đánh chị H. Anh M thiếu trách nhiệm với gia đình, vợ con. Từ khi các con còn bé chủ yếu do một mình chị H chăm sóc, dạy bảo. Anh M không đóng góp tiền chi tiêu, sinh hoạt chung của gia đình cũng như tiền học

cho các con. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ năm 2007, nhiều lần chị đã định chấm dứt cuộc hôn nhân một mỗi nhưng vì nghĩ đến các con còn nhỏ, muốn cho các con có cả tình yêu tH của cả cha và mẹ, chị cũng đã cố gắng cho anh M cơ hội để thay đổi nhưng anh M vẫn chứng nào tật nấy. Thậm chí gia đình anh M cũng đã khuyên giải nhưng anh M vẫn rượu chè, cờ bạc. Cuộc sống vợ chồng anh chị ngày càng trở nên nhiều mâu thuẫn, anh M có hành vi bạo hành gia đình, gây tổn tH về sức khỏe và tác động đến mặt tinh thần và tâm lý đối với chị H. Từ khoảng năm 2019 đến nay, vợ chồng anh chị đã cắt đứt quan hệ tình cảm, sinh lý và sống ly thân nhau. Mâu thuẫn của vợ chồng anh chị thực sự trầm trọng, anh M nát rượu, vô trách nhiệm, vũ phu, hai vợ chồng thường xuyên cãi nhau, cuộc sống gia đình luôn căng thẳng, không có một lúc nào yên ả. Từ khi anh chị ly thân, cả 02 vợ chồng vẫn không thể nói chuyện được với nhau. Quá mệt mỏi, không thể chịu đựng và nhin nhục, đến tháng 03/2022 chị H đã chuyển hẳn về nhà bố mẹ đẻ của chị là ông Đỗ Trọng Bạo và bà Bùi Thị Hòa ở Ngọc Thiện, Tân Yên, Bắc Giang sinh sống.

Nay, chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, cuộc sống chung không còn hạnh phúc, anh chị không thể hàn gắn, đoàn tụ gia đình được nữa. Chị H đề nghị Tòa án nhân dân huyện K xem xét, giải quyết cho chị được ly hôn với anh M để chị sớm ổn định cuộc sống và nuôi dạy, chăm sóc con chung.

Quá trình giải quyết vụ án, anh M được Tòa án triệu tập để giải quyết vụ án, anh M có trình bày ý kiến về việc xin ly hôn của chị H. Anh M có lời khai là vợ chồng anh có phát sinh mâu thuẫn, không tìm được tiếng nói chung, bản thân anh có uống rượu và khi mâu thuẫn anh có đánh chị H vào mặt. Sau khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, chị H và anh M đã sống ly thân. Anh M thiếu trách nhiệm, không quan tâm đến chị H và các con, không cố gắng để sửa đổi qua đó thể hiện anh M không có ý thức hàn gắn tình cảm khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng đã không chung sống với nhau được một thời gian rất dài.

Như vậy, chị H trình bày là vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng và anh chị đã ly thân từ khoảng năm 2019 là có căn cứ.

Theo quy định tại Điều 19 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014, quy định: *“Vợ chồng phải, tH yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình và xã hội”*. Như vậy, mục đích hôn nhân của vợ chồng của chị H và anh M không đạt được, đời sống chung vợ chồng đã chấm dứt. Do vậy, xét thấy cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H là phù hợp với khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

**[4]. Về con chung:** Căn cứ vào lời khai của chị H và anh M xác định chị H và anh M có 02 con chung là cháu Nguyễn Khánh M, sinh ngày 03/3/2004 và cháu Nguyễn Khánh Vân, sinh ngày 07/12/2009. Cháu M đã thành niên đủ 18 tuổi, sức khỏe thể chất và tinh thần của cháu M phát triển hoàn toàn bình thường, có đủ khả năng tự lập nên anh chị không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết việc nuôi dưỡng cháu M. Đối với cháu Vân, do cháu còn bé, từ nhỏ lại sống cùng với mẹ nên khi ly hôn chị H có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Vân. Anh M có ý kiến là xem xét nguyện vọng của cháu Vân là xem cháu muốn ở với ai thì bố mẹ sẽ tôn trọng quyết định của cháu. Nếu chị

H là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Vân, anh sẽ cấp dưỡng hàng tháng cho chị 02 triệu đồng/ 1 tháng để nuôi con.

[5]. Xét về điều kiện nuôi dưỡng: Xét yêu cầu, đề nghị giải quyết việc nuôi con của anh M, chị H, Hội đồng xét xử nhận định: Căn cứ vào điều kiện nuôi con của chị H và anh M thì thấy anh, chị có đủ điều kiện để nuôi con chung.

Tất cả trẻ em đều mong muốn sống trong gia đình có đầy đủ cả bố mẹ, khi có sự chăm sóc của bố mẹ thường xuyên, đầy đủ sẽ làm cho các cháu có tâm lý ổn định. Tuy nhiên, việc sống trong một gia đình suốt ngày xảy ra những mâu thuẫn, những cuộc cãi vã, đánh đập vì rượu chè cũng ảnh hưởng rất lớn đến sự phát triển bình thường của trẻ nhỏ. Để tránh xáo trộn cuộc sống của con chung, do cháu Vân đang sống với mẹ và cũng như để đảm bảo quyền lợi của cháu nên Hội đồng xét xử xét thấy cần giao con chung là cháu Nguyễn Khánh Vân, sinh ngày 07/12/2009 cho chị H được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là hợp tình, hợp lý, đúng với quy định của pháp luật và cũng phù hợp với nguyện vọng của chị H, cháu Vân.

Về nghĩa vụ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con: Chị H không yêu cầu anh M có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung nếu chị H được nuôi con chung là cháu Vân. Trong quá trình giải quyết vụ án thì anh M trình bày nếu chị H được Tòa án xem xét, giải quyết cho nuôi con chung là cháu Vân thì anh M đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho chị H mức đóng góp là 2.000.000 đồng/ 1 tháng. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung của anh M, chị H Hội đồng xét xử xét thấy cần ghi nhận sự tự nguyện đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi các con chung của anh M, hàng tháng anh M có trách nhiệm đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho chị H là 2.000.000đ/01 tháng. Khoản tiền cấp dưỡng nuôi con chung được thực hiện từ tháng 7 năm 2022 cho đến khi cháu Vân thành niên đủ 18 tuổi hoặc khi có yêu cầu thay đổi khác.

[6]. Về tài sản chung và công nợ chung vợ chồng: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7]. Về án phí: Chị H phải chịu án phí ly hôn theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30.12.2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 238, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 56, 57, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30.12.2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Đỗ Thị H đối với anh Nguyễn Văn M. Chị Đỗ Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Văn M.

2. Về con chung: Giao cho chị Đỗ Thị H là mẹ được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng 01 con chung là cháu Nguyễn Khánh Vân, sinh ngày 07/12/2009 cho đến khi cháu Vân thành niên đủ 18 tuổi hoặc khi có yêu cầu thay đổi khác. Anh M có nghĩa vụ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho chị H với mức đóng góp hàng tháng là 2.000.000 đồng/ 1 tháng. Thời gian đóng góp tiền nuôi con kể từ tháng 7 năm 2022 cho đến khi cháu Vân thành niên đủ 18 tuổi hoặc khi có yêu cầu thay đổi khác.

Đối với cháu Nguyễn Khánh M, sinh ngày 03/3/2004 đã trưởng thành trên 18 tuổi, tình trạng sức khỏe bình thường. Chị H và anh M không yêu cầu Tòa án giải quyết việc giao nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

*Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.*

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Chị Đỗ Thị H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Chị H đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2020/0073183, ngày 12/4/2022 tại Chi Cục thi hành án dân sự huyện K nay được chuyển thành án phí. Chị Đỗ Thị H không phải nộp thêm tiền án phí

5. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt nguyên đơn - chị Đỗ Thị H và bị đơn – anh Nguyễn Văn M. Báo cho chị H, anh M có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- Tòa án nhân dân TP. Hà Nội
- VKSND huyện K
- T.H.A DS huyện K
- UBND xã L, huyện K;
- (Giấy CNKH số 24; Quyển số: 2003)
- Lưu hồ sơ vụ án; Vp.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Đoàn Thành Nam**

Bản án gốc này gồm có 04 tờ, 07 trang. Tại phòng nghị án của Toà án nhân dân huyện K – Thành phố Hà Nội, các thành viên của Hội đồng xét xử đều đã từng người, tự mình đọc lại toàn bộ bản án này, công nhận là đúng và đầy đủ, ký tên dưới đây.

### HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA



K, ngày 24 tháng 6 năm 2022

**BIÊN BẢN NGHỊ ÁN**

Vào hồi 14 giờ 00 phút, ngày 24 tháng 06 năm 2022.

Tại: Phòng nghị án - Tòa án nhân dân huyện K, Thành phố Hà Nội

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm, gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Đoàn Thành Nam

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Hồng Ninh và Bà Nguyễn Thị Nga

Tiến hành nghị án đối với vụ án dân sự thụ lý số: 138/2022/TLST-HNGĐ ngày 12/04/2022, về việc “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình”, giữa:

Nguyên đơn: Chị **Đỗ Thị H**, sinh năm 1991

Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn M**, sinh năm 1976

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên toà, các quy định của pháp luật.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH  
CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:**

**1. Về thẩm quyền:** Vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hà Nội.

Kết quả biểu quyết đạt tỷ lệ:  $3/3 = 100\%$ .

**2. Về quan hệ pháp luật:** Tranh chấp về hôn nhân và gia đình.

Kết quả biểu quyết đạt tỷ lệ:  $3/3 = 100\%$

**3. Về điều luật áp dụng:**

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 56, 57, 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30.12.2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

Căn cứ Luật thi hành án dân sự.

Kết quả biểu quyết đạt tỷ lệ:  $3/3 = 100\%$

**4. Về các vấn đề cụ thể:**

Xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị **Đỗ Thị H** đối với anh **Nguyễn Văn M**. Chị **Đỗ Thị H** được ly hôn với anh **Nguyễn Văn M**.

- Về con chung: Giao cho chị Đỗ Thị H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn Khánh Vân, sinh ngày 07/12/2009. **Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh Nguyễn Văn M cho đến khi cháu Nguyễn Khánh Vân trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc đến khi có yêu cầu mới.**

Anh Nguyễn Văn M không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

- Về án phí: Chị Đỗ Thị H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Chị Giang đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số **AA/2010/0004959, ngày 07/12/2019** tại Chi Cục thi hành án dân sự huyện K nay được chuyển thành án phí. Chị Đỗ Thị H không phải nộp thêm tiền án phí.

- Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, có mặt nguyên đơn - chị Đỗ Thị H, **vắng mặt bị đơn – anh Nguyễn Văn M.** Báo cho chị Giang có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh Duy vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Kết quả biểu quyết đạt tỷ lệ:  $3/3 = 100\%$

Nghị án kết thúc vào hồi 10 giờ 15 phút, ngày 01 tháng 4 năm 2020  
Biên bản nghị án này gồm có 01 tờ 02 trang. Tại phòng nghị án của Toà án nhân dân huyện K – Thành phố Hà nội, các thành viên của Hội đồng xét xử đều đã từng người, tự mình đọc lại toàn bộ biên bản nghị án này, công nhận là đúng và đầy đủ, ký xác nhận.

## **HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ                      -                      THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**